



VASS ASSURANCE CORPORATION

Today Not Tomorrow

Số: 012/2021/QĐ-VASS/HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế Công bố thông tin



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

- Căn cứ Giấy phép Thành lập và hoạt động số 23GP/KDBH cấp ngày 07/11/2003 và các Giấy phép điều chỉnh do Bộ Trưởng Bộ Tài chính cấp cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông;
- Căn cứ Công văn số 10429/BTC-QLBH ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông ngày 31/5/2021;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông.

Điều 2: Các Phòng/Ban và cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với bộ phận công bố thông tin để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Phòng/Ban và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thi hành);
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VT, PC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐỖ THỊ MINH ĐỨC



VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01.2/2021/VASS-QĐ/HĐQT
ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (“Công ty” hay “VASS”) là công ty đại chúng quy mô lớn, có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán. Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty ra bên ngoài và trên thị trường chứng khoán, đồng thời quy định việc phối hợp giữa các Phòng/Ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Đối tượng áp dụng: Công ty và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc CBTT trên thị trường chứng khoán
- Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:

Công bố thông tin	: CBTT
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	: UBCKNN
Hội đồng quản trị	: HĐQT
Đại hội đồng cổ đông	: ĐHĐCĐ
Báo cáo tài chính	: BCTC

2. Người nội bộ của công ty bao gồm:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm.
 - Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ.
 - Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT.
3. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.
4. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
6. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

- Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
7. Ngày CBTT trên thị trường chứng khoán: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT theo quy định pháp luật.
8. Ngày báo cáo về việc CBTT trên thị trường chứng khoán: là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước
9. Người thực hiện CBTT trên thị trường chứng khoán là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.
10. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT trên thị trường chứng khoán bao gồm:
- Người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng
 - Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng
 - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành
 - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Thông tư này như sau:
 - Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;
 - Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm
6. Tạm hoãn CBTT:
 - Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
 - Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, CBTT trên thị trường chứng khoán

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT gồm:
 - Trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
 - Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán và phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.
 - Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...)
2. Công ty đại chúng thực hiện báo cáo, CBTT trên các phương tiện:

- Website của công ty
 - Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
 - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán và phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty đã đăng ký giao dịch hoặc đã niêm yết cổ phiếu)
3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, công ty thực hiện CBTT trên website của công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
 4. Đối tượng CBTT không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.
 5. Một số lưu ý:
 - Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN.
 - Khi thay đổi địa chỉ website, Công ty phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
 - Website phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu.
 - Website phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 6. Chế độ báo cáo, CBTT của Công ty

1. CBTT định kỳ: thực hiện theo Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này
2. CBTT bất thường:
 - Thực hiện theo Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này
 - Khi CBTT bất thường, công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. CBTT theo yêu cầu: thực hiện theo Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này
4. CBTT về các hoạt động khác của Công ty: thực hiện theo Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này
5. CBTT liên quan đến nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT: thực hiện theo Phụ lục 02 đính kèm Quy chế này.

Điều 7. Chế độ báo cáo, CBTT của nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT

Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT thực hiện CBTT theo Phụ lục 02 đính kèm Quy chế này.

Điều 8. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ CBTT của công ty đại chúng quy mô lớn kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán.
2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ CBTT như công ty đại chúng quy mô lớn.

Điều 9. Quy trình CBTT

Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo các bước sau:

1. Bước 1: Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các sự kiện phải CBTT theo quy định, các bộ phận liên quan phải gửi thông tin, hồ sơ, tài liệu đã được phê duyệt đến bộ phận phụ trách CBTT theo đúng thời gian quy định cho từng loại thông tin công bố, cụ thể:

+ Trường hợp CBTT định kỳ: **03 ngày làm việc** trước khi hết hạn CBTT

+ Trường hợp CBTT bất thường: **ngay khi phát sinh** sự kiện phải CBTT

- Các cá nhân, phòng, ban liên phải đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, nội dung văn bản, tài liệu CBTT.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin, hồ sơ, tài liệu do các cá nhân, phòng, ban liên quan cung cấp; bộ phận phụ trách CBTT tổng hợp tài liệu và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3. Bước 3: Báo cáo và CBTT

- Bộ phận phụ trách CBTT đồng thời thực hiện CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, website của Công ty và phương tiện CBTT khác (nếu có) đúng thời hạn quy định.
- Các cá nhân, bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra và thông báo ngay cho bộ phận phụ trách CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

4. Bước 4: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Các thông tin đã được CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của bộ phận phụ trách CBTT

Bộ phận phụ trách CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định tại Quy chế này và theo quy định pháp luật. Việc CBTT phải được thực hiện một cách cẩn trọng.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cá nhân, phòng, ban liên quan

1. Phòng, ban liên quan phải cung cấp thông tin cho bộ phận cung cấp thông tin đúng hạn quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy chế này; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời đối với các thông tin cung cấp cho bộ phận phụ trách CBTT.

2. Việc CBTT liên quan đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc thì thư ký HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT và cung cấp thông tin cho bộ phận phụ trách CBTT.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin khác ngoài các trường hợp quy định tại Chương II Quy chế này

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) là người phát ngôn chính thức của Công ty (ngoại trừ lĩnh vực truyền thông chỉ do Chủ Tịch HĐQT hoặc Người được ủy quyền được phát ngôn).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

Điều 13. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch HĐQT có quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp nhu cầu thực tế của Công ty hoặc khi có thay đổi của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐỖ THỊ MINH ĐỨC



PHỤ LỤC 01

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

(đính kèm Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 04/2021/QĐ-VASS/HĐQT ngày 04/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông)

Nơi đăng tải/tiếp nhận thông tin công bố: theo Khoản 2 Điều 5 Quy chế Công bố thông tin

STT	Nội dung	Phòng, ban cung cấp	Thời hạn CBTT	Ghi chú
I.	CBTT ĐỊNH KỲ			
1	Báo cáo tài chính:	P.Kế toán TT		
1.1	BCTC năm đã được kiểm toán (bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC)		10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Yêu cầu đối với BCTC năm quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
1.2	BCTC bán niên đã được soát xét (kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần)		05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Yêu cầu đối với BCTC bán niên quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có, và kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần)		- 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý - 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý (nếu là công ty mẹ của tổ chức khác)	Yêu cầu đối với BCTC quý quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
	<u>Lưu ý:</u> khi công bố BCTC thì phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.			
2	Báo cáo thường niên	P.Pháp chế	20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá	Theo mẫu Phụ lục IV quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC

			chính	
3	ĐHĐCĐ thường niên:	P. Pháp chế		
3.1	Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp		Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	
3.2	Thông báo họp ĐHĐCĐ (trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có))		Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	
3.3	Biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết		24 giờ kể từ khi thông qua nghị quyết và biên bản họp	
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty:	Thư ký HĐQT		Theo mẫu Phụ lục V quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
4.1	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm		30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	
4.1	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm		30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	
II.	CBTT BẤT THƯỜNG		24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện phải CBTT	
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	P. Kế toán TT		
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có: - Quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; - Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	P. Pháp chế		
3	ĐHĐCĐ bất thường:	P. Pháp chế		

3.1	Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp		Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	
3.2	Thông báo họp ĐHĐCĐ (trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)		Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	
3.3	Biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết		24 giờ kể từ khi thông qua nghị quyết và biên bản họp	
3.4	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.		24 giờ kể từ khi thông qua nghị quyết và biên bản họp	
4	Lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản:	P. Pháp chế		
4.1	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết		tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn	CBTT theo quy định và đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông
4.2	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ		24 giờ kể từ khi thông qua nghị quyết	
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ	Bộ phận quản lý cổ đông		
6	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Bộ phận quản lý cổ đông		
7	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Bộ phận quản lý cổ đông		
8	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp	P.Pháp chế		
9	Các thay đổi về:			
	- Mã số thuế	P. Kế toán TT		
	- Con dấu của công ty	P. Hành chính		
	- Thay đổi tên công ty, thay đổi địa điểm	P.Pháp chế		
10	Thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh,	P.Pháp chế		

	nhà máy, văn phòng đại diện			
11	Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	P.Pháp chế		
12	Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Ban điều hành		
13	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	P.Kế toán TT		
14	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	P.Kế toán TT		
15	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Tuỳ sự vụ		
16	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Tuỳ sự vụ		
17	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:			
17.1	Phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Bộ phận quản lý cổ đông	24 giờ tính từ thời điểm báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, chuyển đổi	
17.2	Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Bộ phận quản lý cổ đông	24 giờ tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch	
17.3	Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lơ lửng theo yêu cầu của cổ đông	Bộ phận quản lý cổ đông	10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	
18	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	P. Nhân sự		- Nêu rõ thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. - Gửi Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC
19	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn	Tuỳ sự vụ		

	cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào BCTC hợp nhất			
20	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	P.Hành chính		
21	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty	P. Pháp chế		
22	Khi nhận được Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	P.Kế toán		
23	Nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	P.Pháp chế		
24	Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Tuỳ sự vụ		
25	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Tuỳ sự vụ		
26	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Bộ phận quản lý cổ đông		
27	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:			
27.1	Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ	Bộ phận quản lý cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
27.2	Các trường hợp khác	Tuỳ sự vụ	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
28	Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố	P.Kế toán TT	Tương tự như CBTT đối với BCTC năm, BCTC bán niên và BCTC quý	
29	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, phải công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	P.Kế toán TT	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	
30	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	P.Pháp chế		
31	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở	Tuỳ sự vụ		

	lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ)			
32	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Tuỳ sự vụ		
III.	CBTT THEO YÊU CẦU CỦA UBCKNN, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN			
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Tuỳ sự vụ	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu	Phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Tuỳ sự vụ		
IV.	CBTT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY			
1	Hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Bộ phận quản lý cổ đông	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	
2	Về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Bộ phận quản lý cổ đông	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	CBTT trên website của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống CBTT của UBCKNN
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:			
3.1	Mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Bộ phận quản lý cổ đông	Thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	
3.2	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì phải CBTT	P. Kế toán TT	15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	CBTT và đồng thời phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết



PHỤ LỤC 02

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Đính kèm Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 011/2021/QĐ-VASS/HĐQT ngày 04/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông)

STT	Nội dung báo cáo và CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải	Ghi chú
I.	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành:			
1	Tổ chức, cá nhân phải CBTT và báo cáo khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng	05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	- VASS - UBCKNN - SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch)	Theo mẫu Phụ lục VII quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	- VASS - UBCKNN - SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch)	Theo mẫu Phụ lục VIII quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành thực hiện CBTT và báo cáo như Khoản 1 và 2 bên trên		- VASS - UBCKNN - SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch)	Theo mẫu Phụ lục IX và Phụ lục X quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
4	Công ty đại chúng CBTT về các trường hợp nêu tại mục 1, 2, 3	03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Website công ty	
Lưu ý: Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán				
II.	Giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng			
1	Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng phải báo cáo về việc thực hiện giao	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao	- UBCKNN - SGD (đối với cổ phiếu niêm yết,	Mẫu Phụ lục XI quy định tại Thông tư

	dịch. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng nêu trên	dịch	đăng ký giao dịch) - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VASS	96/2020/TT-BTC
2	Cổ đông sáng lập phải báo cáo về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	- UBCKNN - SGD (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) - Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VASS	Mẫu Phụ lục XII quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Công ty đại chúng phải CBTT về các trường hợp nêu tại mục II.1 và II.2	03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập	Website công ty	
III.	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ			
1	CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	- UBCKNN - Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) - VASS	Theo mẫu tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Báo cáo và CBTT kết quả giao dịch tại mục III.1, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	- UBCKNN - Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) - VASS	Theo mẫu Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Công ty đại chúng CBTT về các trường hợp nêu tại mục III.1 và III.2	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo	Website công ty	

		của người nội bộ, người có liên quan		
IV.	Giao dịch chào mua công khai: Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai:			
	Công ty mục tiêu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý quỹ đầu tư mục tiêu có trách nhiệm công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Website công ty	
	HĐQT công ty mục tiêu CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty mục tiêu về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai; đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Website công ty	

